

Số: 886 /QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban hữu quan của Đại học Đà Nẵng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Thành Bắc



## QUY ĐỊNH

Xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 886 /QĐ-ĐHĐN ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo (CTĐT).
- Quy định này áp dụng đối với Phân hiệu, Khoa, Viện, Trung tâm thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) (sau đây gọi là các đơn vị) và các cá nhân có liên quan tham gia vào hoạt động quản lý, đào tạo.
- Quy định này không quy định đối với các chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp, bao gồm cả chương trình liên kết với nước ngoài theo quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

##### Điều 2. Giải thích từ ngữ

- CTĐT là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, đề cương học phần, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Mục tiêu đào tạo là tuyên bố tổng quát về lý do tồn tại của chương trình, trong đó xác định mục tiêu tổng thể của chương trình, bao gồm bối cảnh, nghề nghiệp, sự nghiệp tương lai của người học sau khi tốt nghiệp.
- Chuẩn đầu vào của một CTĐT là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học CTĐT.
- Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. Ma trận kỹ năng là tài liệu thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; thể hiện rõ ràng những chuẩn đầu ra do từng học phần đảm trách, đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra.

6. CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

8. Thành phần của một CTĐT là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

### **Điều 3. Mục đích ban hành quy định**

Quy định được ban hành là căn cứ để ĐHĐN:

1. Xây dựng, rà soát, đánh giá và cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT đảm bảo đạt chuẩn chất lượng CTĐT theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và các yêu cầu của tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT.

2. Thực hiện cam kết trách nhiệm với người học và toàn xã hội về chất lượng CTĐT của các đơn vị.

### **Điều 4. Yêu cầu chung về chương trình đào tạo**

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định hiện hành, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có) do Bộ GDĐT ban hành và các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đối với các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn CTĐT, tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề

nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn.

4. Được tham khảo, đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần.

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

7. Tất cả các học phần trong CTĐT phải có đầy đủ đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần phải được xây dựng theo các quy định và biểu mẫu thống nhất.

8. Có hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo.

9. Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị có ý kiến thông qua trước khi trình ĐHĐN ban hành.

#### **Điều 5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

1. Yêu cầu chung về cấu trúc và nội dung CTĐT phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Cấu trúc của một CTĐT được xác định dựa vào các quy định hiện hành và chuẩn đầu ra của CTĐT, ý kiến của các bên liên quan và quy định cụ thể khác (nếu có).

3. Bản mô tả CTĐT cần phải có các thành phần sau: Thông tin chung về CTĐT; mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT; triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng; cấu trúc và nội dung CTĐT; chiến lược giảng dạy và học tập; quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá; hướng dẫn thực hiện CTĐT... (tham khảo mẫu tại Phụ lục I Quy định này).

4. Đề cương chi tiết học phần bao gồm các thông tin chung về học phần; thông tin về giảng viên phụ trách học phần; mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần; mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; đánh giá học phần ... (tham khảo mẫu tại Phụ lục II Quy định này).

5. Phụ lục CTĐT gồm: Các căn cứ, quyết định xây dựng, điều chỉnh CTĐT; đối sánh CTĐT; báo cáo thu thập thông tin về CTĐT; đánh giá hiệu quả CTĐT đang áp dụng (cho trường hợp rà soát, cập nhật CTĐT); chi tiết về những nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT (cho trường hợp rà soát, cập nhật CTĐT); danh sách

giảng viên (tham khảo mẫu tại Phụ lục III Quy định này); cơ sở vật chất (tham khảo mẫu tại Phụ lục IV Quy định này); ý kiến thông qua CTĐT của Hội đồng Khoa học và Đào tạo...

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH; RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo**

1. Hội đồng gồm có Chủ tịch, Thư ký, và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng xây dựng CTĐT là giảng viên cơ hữu của đơn vị, có trình độ tiến sĩ ngành phù hợp. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT là số lẻ, từ 7 đến 11 thành viên.

2. Yêu cầu về thành phần của Hội đồng xây dựng CTĐT:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của đơn vị, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT;

b) Chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo;

3. Nhiệm vụ của Hội đồng xây dựng CTĐT

Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu đối với CTĐT quy định tại Điều 4 Quy định này và đảm bảo quy trình thực hiện quy định tại Điều 8 Quy định này. Chủ tịch Hội đồng xây dựng CTĐT phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng.

4. Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng đơn vị.

#### **Điều 7. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo**

1. Hội đồng gồm có Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT

a) Là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT thuộc ngành mới;

b) Là các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT;

d) Chủ tịch Hội đồng phải có kinh nghiệm là Trưởng bộ môn trở lên;

đ) Hai ủy viên phản biện phải có kinh nghiệm giảng dạy cùng trình độ với CTĐT tham gia thẩm định từ 03 năm trở lên;

e) Người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động có kinh nghiệm quản lý từ 03 năm trở lên;

g) Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

3. Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng đơn vị.

### **Điều 8. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo**

#### **1. Bước 1: Lập kế hoạch**

a) Các đơn vị lập kế hoạch chi tiết xây dựng CTĐT theo từng ngành/chuyên ngành thuộc đơn vị quản lý;

b) Trong trường hợp xây dựng CTĐT cho ngành mới, cần thực hiện đánh giá điều kiện mở ngành, lập đề án mở ngành theo các quy định mở ngành hiện hành. Chỉ triển khai các bước tiếp theo khi đã có đủ điều kiện mở ngành.

#### **2. Bước 2: Thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT**

#### **3. Bước 3: Thu thập thông tin từ các bên liên quan**

a) Hội đồng xây dựng CTĐT lập kế hoạch và xác định phương pháp thu thập thông tin từ các bên liên quan; Phương pháp thu thập thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong các phương pháp sau: hội thảo, phiếu khảo sát, họp chuyên môn, phỏng vấn... Hình thức thu thập thông tin có thể bao gồm phỏng vấn trực tiếp, gửi văn bản trực tiếp hoặc online, gửi email ...;

b) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng ngành/chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn;

c) Nội dung tối thiểu cần thu thập thông tin bao gồm: nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo; yêu cầu về khối lượng kiến

thức tối thiểu, chuẩn đầu ra và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

d) Hội đồng xây dựng CTĐT xác định quy mô thu thập thông tin dựa trên dự toán, nhu cầu và tình hình thực tế. Ở mức tối thiểu, phải thu thập 100 mẫu từ các bên liên quan và số mẫu khảo sát ở từng nhóm đối tượng không thấp hơn số mẫu được quy định (nếu có) trong các tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT có liên quan;

đ) Nội dung báo cáo thu thập thông tin phải bao quát các đối tượng, nội dung và phương pháp thu thập thông tin.

#### 4. Bước 4: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

a) Hội đồng xây dựng CTĐT căn cứ vào thông tin thu được ở khoản 3 Điều này, yêu cầu của chuẩn CTĐT để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của CTĐT;

b) Tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan và Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục để hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT;

#### 5. Bước 5: Xác định khối lượng học tập và cấu trúc CTĐT

Căn cứ vào thông tin thu được ở khoản 3 Điều này, mục tiêu, chuẩn đầu ra được xác định ở khoản 4 Điều này và tham khảo CTĐT của các cơ sở đào tạo khác, Hội đồng xây dựng CTĐT xác định khối lượng học tập, cấu trúc CTĐT, đảm bảo chuẩn đầu ra của CTĐT được phân bổ, truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần và thể hiện qua bản dự thảo ma trận kỹ năng;

#### 6. Bước 6: Đối sánh CTĐT

Thực hiện đối sánh cấu trúc và nội dung CTĐT với chương trình cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài.

#### 7. Bước 7: Xây dựng đề cương các học phần

Bộ môn tổ chức biên soạn đề cương cho các học phần trong CTĐT trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra, ma trận kỹ năng và các yêu cầu khác (nếu có).

#### 8. Bước 8: Tổ chức lấy ý kiến về CTĐT

a) Hội đồng xây dựng CTĐT tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và đề cương học phần. Các nhóm đối tượng cần lấy ý kiến tương tự như các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;



b) Hội đồng xây dựng CTĐT hoàn thiện CTĐT tạo trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

#### 9. Bước 9: Thẩm định CTĐT

a) Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT với quy định tại Điều 4 Quy định này (trừ khoản 9) và các quy định liên quan khác về CTĐT;

b) Hội đồng thẩm định kết luận rõ một trong các nội dung sau: thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa bổ sung hoặc không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua;

c) Hội đồng xây dựng CTĐT giải trình (giải trình trực tiếp và giải trình bằng văn bản) các ý kiến phản biện của Hội đồng thẩm định và tiến hành chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có);

d) Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị xem xét, thông qua CTĐT.

#### 10. Bước 10: Ban hành CTĐT

a) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị, Giám đốc ĐHQĐN ký quyết định ban hành CTĐT;

b) CTĐT được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau, lưu tại Ban Đào tạo 01 (một) bản và đơn vị 02 (hai) bản;

c) Đơn vị quản lý file mềm chuẩn đầu ra, CTĐT, phụ lục... cung cấp theo yêu cầu để các đơn vị công bố đến các bên liên quan;

d) Chuẩn đầu ra, CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

#### **Điều 9. Yêu cầu về rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá CTĐT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải đánh giá theo các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các quy định của chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định hiện hành và chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có);

b) Phải có kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan. Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT.

c) Phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể CTĐT là 05 năm. Đơn vị công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng CTĐT trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Đề cương học phần cần được rà soát, cập nhật thường xuyên hoặc khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu tham khảo, phê duyệt ứng dụng các nghiên cứu khoa học mới vào giảng dạy hoặc theo góp ý của các bên liên quan. Đơn vị tổ chức việc rà soát và ban hành, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương cập nhật.

**Điều 10. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo**

Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT như sau:

**1. Lập kế hoạch**

Từ kế hoạch của đơn vị, quy định về định kỳ đánh giá tổng thể CTĐT và nhu cầu thực tế, Thủ trưởng đơn vị lập kế hoạch chi tiết rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT theo từng ngành/chuyên ngành thuộc đơn vị quản lý.

**2. Thu thập thông tin từ các bên liên quan**

a) Xác định các thông tin đã có và phương pháp thu thập thông tin bổ sung (nếu cần) từ các bên liên quan;

b) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, các phòng ban chuyên môn, người học, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn...);

c) Các thông tin đã có là các khảo sát, ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã thực hiện và phân tích trong quá trình thực hiện CTĐT (như các khảo sát thực hiện theo học kỳ hoặc năm học, khảo sát người học tốt nghiệp...);

d) Các thông tin cần thu thập bổ sung, tuân thủ các yêu cầu về phương pháp, cách thức, đối tượng thu thập thông tin ở khoản 3 Điều 8 Quy định này.

3. Đánh giá tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và CTĐT đang thực hiện.

a) Xử lý, phân tích thông tin thu thập ở khoản 2 Điều này;

b) Lập báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và CTĐT đang thực hiện;

c) Đối sánh với CTĐT cùng ngành trong và ngoài nước;

d) Tổng hợp minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT cũng như dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật này.

4. Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật

a) Lập dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật (cấu trúc CTĐT, khối lượng học tập cần thiết, kế hoạch đào tạo, ma trận kỹ năng, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, nội dung các học phần ...);

b) Cập nhật chuẩn đầu ra học phần (nếu có thay đổi) và điều chỉnh đề cương học phần theo các nội dung cần sửa đổi nêu trên;

c) Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về bản dự thảo CTĐT, đề cương các học phần. Sau khi hoàn thiện theo góp ý của các bên liên quan, gửi bản dự thảo cuối đến Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị để đánh giá và thông qua.

5. Đánh giá CTĐT

a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị đánh giá, thông qua CTĐT. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị đề xuất lấy ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định theo Điều 7 Quy định này trước khi thông qua CTĐT;

b) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT, thực hiện quy trình thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Quy định này.

6. Ban hành CTĐT cập nhật

a) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị, Thủ trưởng đơn vị đề xuất và trình Giám đốc ĐHQĐN quyết định ban hành CTĐT cập nhật;

b) CTĐT cập nhật được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau, lưu tại Ban Đào tạo 01 (một) bản và đơn vị 02 (hai) bản;

c) Chuẩn đầu ra, CTĐT, đề cương học phần cập nhật được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 11. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về chương trình đào tạo**

1. Hằng năm, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Bộ GDĐT và ĐHĐN các nội dung được quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

2. CTĐT phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khoá học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

3. Các đơn vị có trách nhiệm công khai thông tin trên trang thông tin điện tử các nội dung sau:

a) Thông tin chung về CTĐT gồm chương trình áp dụng đối với khoá tuyển sinh cụ thể; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; các thông tin khác theo yêu cầu của chuẩn CTĐT.

b) Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT, những cải tiến CTĐT đã thực hiện trong vòng 5 năm liền trước đó để nâng cao chất lượng đào tạo;

c) Tình trạng kiểm định của CTĐT đang thực hiện.

#### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Đối với các CTĐT được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tiếp tục thực hiện cho các khoá tuyển sinh trước 01/01/2022. Đối với các khoá tuyển sinh sau 01/01/2022, thủ trưởng các đơn vị thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo Quy định này.

2. Các đơn vị thực hiện rà soát để đáp ứng các yêu cầu về đội ngũ giảng viên, nhân sự hỗ trợ, cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và quy định hiện hành về tỷ lệ người học/giảng viên theo ngành đào tạo.

3. ĐHĐN thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra nội bộ các đơn vị việc thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo quy định hiện hành.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới được ban hành.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các đơn vị phản ánh về Ban Đào tạo để tổng hợp ý kiến, trình Giám đốc ĐHĐN xem xét điều chỉnh, bổ sung. /

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

### Phụ lục I: Bản mô tả chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### TRÌNH ĐỘ ... NGÀNH ...

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../....ngày ..... của....)

#### I. Thông tin chung

(Chương trình đào tạo (CTĐT)... được ban hành và áp dụng tại... vào năm nào? Được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến ra sao? CTĐT được xây dựng và quản lý bởi Khoa nào? Gồm có các chuyên ngành gì?)

1. Tên chương trình đào tạo: (tên tiếng Việt và tiếng Anh)
2. Trình độ đào tạo:
3. Ngành đào tạo: Mã ngành:
4. Chuẩn đầu vào:
5. Thời gian đào tạo:
6. Loại hình đào tạo:
7. Số tín chỉ:
8. Thang điểm:
9. Điều kiện tốt nghiệp:
10. Văn bằng tốt nghiệp: ....do ... cấp.
11. Cơ hội việc làm:
12. Khả năng nâng cao trình độ:

#### II. Triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng

1. Triết lý giáo dục của đơn vị (nếu có)
2. Tầm nhìn của đơn vị và Khoa
3. Sứ mạng của đơn vị và Khoa

#### III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: PO)
  - 1.1. Mục tiêu chung



#### IV. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

##### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc chương trình dạy học được chia thành ... khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được liệt kê ở Bảng bên dưới.

Bảng 3. Các khối kiến thức và số tín chỉ

TT	Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ	
			Bắt buộc	Tự chọn
...	...			
...	...			
<b>Tổng</b>				

2. Sơ đồ chương trình dạy học /cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

##### 3. Khung chương trình đào tạo

Bảng 4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết	Mã học phần học trước	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học			
I		Kiến thức giáo dục đại cương	...						
		Học phần ...							
		Học phần ...							
		...							
II		Kiến thức khoa học cơ bản	...						
II.1		Kiến thức cơ sở ngành	...						
		<i>Bắt buộc</i>							
		Học phần ...							
		Học phần ...							
		<i>Tự chọn</i>	.../ ...						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết	Mã học phần học trước	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học			
		...							
II.2		Kiến thức ngành	...						
		<i>Bắt buộc</i>							
		Học phần ...							
		Học phần ...							
		<i>Tự chọn</i>	.../ ...						
		...							
II.3		Kiến thức chuyên ngành	...						
		<i>Bắt buộc</i>							
		Học phần ...							
		Học phần ...							
		<i>Tự chọn</i>	.../ ...						
...		...							
Tổng số tín chỉ									

4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)					
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	...	PLOn

Ghi chú: Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ).



Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

### 5. Chương trình đào tạo đối sánh/tham khảo khi xây dựng

Bảng 6. Chương trình đào tạo đối sánh/tham khảo

TT	Nội dung đối sánh	CTĐT của đơn vị	CTĐT ngành .... của Trường.... (trong nước)	CTĐT ngành .... của Trường.... (Quốc tế)

### V. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành ..., trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau: ... ..

....

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

...

Bảng 7. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)					
	PLO1	PLO2	PLO3	...	...	PLOn

### VI. Quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá

#### 1. Quy trình đào tạo

#### 2. Cách thức và công cụ đánh giá

##### 2.1. Đánh giá kết quả học tập

##### 2.2. Đánh giá học phần

##### 2.3. Phương pháp đánh giá học phần

Bảng 8. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo  
(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Phương pháp kiểm tra đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)					
		PLO1	PLO2	PLO3	...	...	PLOn
I	Đánh giá tiến trình						
1							
2							
3							
II	Đánh giá tổng kết						
4							
5							
...							

#### 2.4. Cách tính điểm học phần

Bảng 9. Hệ thống thang điểm

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8.5 đến 10	4	A
	Từ 7.0 đến 8.4	3	B
	Từ 5.5 đến 6.9	2	C
	Từ 4.0 đến 5.4	1	D
Không đạt	< 4.0	0	F

#### 2.5. Công cụ, tiêu chí đánh giá (rubric) .....

#### VII. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã Học phần học trước/tiền quyết	Tóm tắt học phần

#### VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

1. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh CTĐT
2. Thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục
3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo (theo quy định của Bộ GDĐT)

PHÊ DUYỆT CỦA ĐƠN VỊ

PHÊ DUYỆT  
CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Phụ lục II: Đề cương chi tiết học phần**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....  
NGÀNH...MÃ NGÀNH.....**

**1. Thông tin về học phần**

Mã học phần:

- Tên học phần:

- Tên tiếng Anh:

- Số tín chỉ:

- Loại học phần: (bắt buộc, tự chọn)

- Thuộc khối kiến thức: (đại cương/ cơ sở ngành/ chuyên ngành.....)

- Điều kiện tham gia học phần: (học phần học trước/tiên quyết)

- Phân bổ thời gian: Lý thuyết: ..... tiết; thực hành:.....tiết, tự học:.....tiết

**2. Thông tin về giảng viên**

- Giảng viên phụ trách chính: (họ tên, học hàm/ học vị, email, điện thoại...)

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

**3. Mô tả tóm tắt học phần**

**4. Mục tiêu học phần**

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CLO)**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

CLO	Nội dung chuẩn đầu ra học phần (CLO)
CLO1	...
CLO2	...
CLO3	...
...	...
CLOn	...

**6. Mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra của học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)*			
	PLO1	PLO2	...	PLOn
CLO 1				
CLO 2				
CLO 3				
...				
CLOn				
Tổng hợp học phần (**)				



**Ghi chú:**

[3] Số tiết (LT/TH/TT): xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.

[4] Liệt kê ký hiệu CLO mà nội dung chương/bài học ở tuần tương ứng có mối liên hệ và đóng góp cho việc đạt được CLO đó.

[5] PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra: nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt chuẩn đầu ra.

[6] Hoạt động học của SV: xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); cũng như các hoạt động tại lớp (nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm, làm bài tập, trả lời câu hỏi...).

[7] Hoạt động kiểm tra đánh giá: liệt kê hoạt động kiểm tra đánh giá (nếu có) tương ứng với các tuần.

**9. Tài liệu học tập/ Nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo)****10. Phê duyệt**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

BẢO TÀNG

**Phụ lục III: Đội ngũ****DANH SÁCH GIẢNG VIÊN****1. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì chương trình đào tạo**

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn/ Đơn vị	Học phần tham gia giảng dạy
1	<i>Họ và tên, ngày sinh</i>	<i>Học vị, nước, năm</i>	<i>Học hàm, năm</i>			
...						
5						

**2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo**

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
1	<i>Họ và tên, ngày sinh</i>	<i>Học vị, nước, năm</i>	<i>Học hàm, năm</i>			
...						

**3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo**

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
1	<i>Họ và tên, ngày sinh</i>	<i>Học vị, nước, năm</i>	<i>Học hàm, năm</i>				
...							

*Ghi chú: Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, ngôn ngữ*

**Phụ lục IV: Điều kiện cơ sở vật chất**

- Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình...
- Phòng học, phòng thí nghiệm ...

